TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-04-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Châu Giang

2. Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lương Xuân Toản – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái
Hiện đang cai nghiện tại: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái – Tổ 13, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Đỗ Thị Thanh H trình bầy: Tôi và anh G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký ngày 25/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh G nghiện chất ma túy, tôi đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh G không nghe vẫn tái nghiện. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Anh G hiện nay đang cai nghiện tại: Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh G.

Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 12/11/2010; Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 05/06/2013. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cháu T và tôi đồng ý anh G nuôi cháu H. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn G trình bầy: Tôi và chị H kết hôn với nhau là tự nguyện. Đăng ký ngày 25/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi chơi bời dẫn đến nghiện chất ma túy, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra. Hiện tại tôi đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Tôi đồng ý được ly hôn với vợ tôi là chị Đỗ Thị Thanh H.

Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 12/11/2010; Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 05/06/2013. Khi ly hôn tôi nhận nuôi cháu H và tôi đồng ý chị H nuôi cháu T. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đỗ Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Văn G.

Về con chung: Căn cứ Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 05/06/2013 cho chị H nuôi dưỡng. Xử giao cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 12/11/2010 cho anh G nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đỗ Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn; Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 25 tháng 01 năm 2010 là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh G đều cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến tháng 12/2021 sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cả hai anh chị đều cho là do anh G nghiện chất ma túy không bỏ được nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn. Anh G đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Căn cứ vào lời trình bầy của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị H xin ly hôn. Anh G đồng ý ly hôn. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh G đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị H được ly hôn anh G là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu: Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 12/11/2010; Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 05/06/2013. Khi ly hôn chị H nhận nuôi cháu T và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Anh G đồng ý. Anh G nhận nuôi cháu H và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H đồng ý. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của các cháu. Do vậy cần giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng. Giao cháu H cho anh G nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Nguyện vọng nuôi con chung của anh G và chị H không trái với quy định tại điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 05/06/2013 cho chị Đỗ Thị Thanh H trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Xử giao cháu Nguyễn Thị Thu H sinh ngày 12/11/2010 cho anh Nguyễn Văn G trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thanh H phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0003231 ngày 15/02/2023 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã L.
- Lưu HS-TQĐ(2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng